

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN NHÀ XƯỞNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN NHÀ XƯỞNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FACTORY ELECTRIC COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: F-ELECTRIC CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703259996

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

54/6 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0904379769

Fax:

Email: Long.nguyen1984@me.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn<br>trừ in, tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may<br>đan tại trụ sở                                                                                                                                                                                                                         | 1811        |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì thang máy, thang cuốn, máy bơm<br>nước, hệ thống điều hòa không khí và các thiết bị cơ điện công<br>trình khác                                                                                                                                              | 3312        |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cơ - điện lạnh, hệ thống<br>điện công trình dân dụng, công nghiệp đến 500 KW, công trình<br>viễn thông                                                                                                                                                   | 4321(Chính) |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà<br>không khí                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330        |
| 9.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4511        |
| 10. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4512        |
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao. Bán buôn<br>sữa tươi; sữa bột, sữa cô đặc và sản phẩm như bơ, phomat; Bán<br>buôn mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc,<br>bột, tinh bột. Bán buôn cà phê. Bán buôn chè; Bán buôn gia vị<br>khác (không hoạt động tại trụ sở). | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm); Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng, đạn loại dùng đi săn, thể thao); kim; chỉ khâu; dù; dao, kéo; đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường; nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. | 4649 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4663 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Gửi hàng; giao nhận hàng hóa. Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay. Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu; cân hàng hóa (trừ hóa lỏng khí vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).                                                                              | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội - ngoại thất công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn quản lý dự án. Tư vấn, thiết kế và giám sát thi công công trình đường bộ. Thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình đường bộ; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập và thẩm tra dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, lập hồ sơ hoàn công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đấu thầu; Khảo sát địa chất, địa hình công trình xây dựng; Lập quy hoạch xây dựng; Thiết kế (kiến trúc, kết cấu, điện, cơ điện, cấp thoát nước ) công trình Dân dụng và Công nghiệp, Đường dây và Trạm biến áp, Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Thiết kế công nghiệp năng lượng; Thẩm tra thiết kế ( kiến trúc, kết cấu, điện , cơ điện , cấp thoát nước ) công trình Dân dụng và Công nghiệp, Đường dây và Trạm biến áp, Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thẩm tra thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; Thẩm tra thiết kế công nghiệp năng lượng; Giám sát công trình Dân dụng và Công nghiệp, Đường dây và Trạm biến áp , Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát về phòng cháy và chữa cháy; Giám sát công trình công nghiệp năng lượng; Giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. | 7110 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7730 |
| 24. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820 |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7830 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075084004166

Địa chỉ thường trú: 54/6 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 54/6 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 08/10/1984      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075084004166

Địa chỉ thường trú: 54/6 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 54/6 KP Tân Hòa, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương